

# Safety Data Sheet

## Product

### 1. SẢN PHẨM VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Tên thương mại **WS600**  
Loại sản phẩm Cung cấp cho ngành Công nghiệp thực phẩm  
Nhà sản xuất/Cung cấp Công ty TNHH TM DV Đại Hoàn Cầu  
Địa chỉ 2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú  
Số điện thoại 028.62779771  
Số Fax  
Địa chỉ E-mail

### 2. NHẬN DẠNG TÁC HẠI

Tác hại chính Kích ứng nếu tiếp xúc trực tiếp.  
Tác động sức khỏe – Mắt Dị ứng với mắt.  
Tác động sức khỏe – Da Dị ứng với da.  
Tác động sức khỏe – Uống Kích ứng miệng, cổ họng và đường tiêu hóa.  
Tác động sức khỏe – Hít vào Kích ứng mũi, cổ họng và đường hô hấp.

### 3. THÀNH PHẦN/THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Cách phối trộn – Thành phần hóa học

Thành phần	Nồng độ (%w/w)	RPhrases	Phân loại
Sodium Hydroxide	38.0 – 42.0	R35	C

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Sơ cứu – Mắt Ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước. Đưa đến trạm y tế gần nhất.  
Sơ cứu – Da Ngay lập tức rửa bằng nhiều nước, cởi bỏ đồ bị dính hóa chất và rửa lại bằng xà phòng, nước.  
Sơ cứu – Uống vào Không gây nôn và uống nhiều sữa hoặc nước. Đưa đến trạm y tế gần nhất cùng với bình hóa chất và nhãn.  
Sơ cứu – Hít vào Di chuyển đến nơi không khí sạch.

### 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy Sử dụng vòi phun nước, bọt, hóa chất khô hoặc Carbon dioxide.  
Thiết bị bảo vệ Lính cứu hỏa phải trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân cần thiết vì nguy cơ tiếp xúc hóa chất gây dị ứng.  
Phòng cháy – chữa cháy

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH TAI NẠN

Lưu ý cá nhân Mặc trang phục bảo hộ thích hợp  
Lưu ý đối với môi trường Tránh để hóa chất chảy vào nguồn nước, sông hồ.  
Khi bị cháy đổ Đối với một lượng nhỏ, rửa thật nhiều nước nơi hóa chất đổ. Đối với một lượng lớn cần phải thu hồi để phân hủy. Sử dụng đất, cát, chất trơ để thu gom, cuối cùng rửa thật nhiều nước tại vị trí đổ.

### 7. VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ

Vận chuyển Mang thiết bị bảo hộ được khuyến cáo. Tuyệt đối không được trộn lẫn với hóa chất khác.  
Lưu trữ Cất kỹ hóa chất vào thùng kín và để nơi khô ráo. Tránh để gần thức ăn và động vật. Thời hạn sử dụng 1 năm

## 8. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ đường hô hấp	Sử dụng khẩu trang khi tiếp xúc
Bảo vệ tay	Dùng găng tay cao su
Bảo vệ mắt	Mang kính bảo hộ và mặt nạ
Bảo vệ cơ thể	Mặc PVC hoặc trang phục không thấm nước khác. PVC hoặc giày cao su.

## 9. ĐẶC ĐIỂM LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Lý tính	Dạng lỏng
Màu	Không màu
Mùi	Đặc trưng
Tính tan (kg/m <sup>3</sup> )	Tan hoàn toàn trong nước
pH	pH (1%) bằng chỉ số phổ 12 –14 and pH (1%) bằng máy đo 11.0 –14.0
Tỉ trọng 25 °C	1.30 –1.50

## 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT HÓA

Tính ổn định	Ổn định trong điều kiện bình thường.
Điều kiện cần lưu ý	Không để trực tiếp dưới nhiệt độ cao, ánh nắng trực tiếp.
Vật liệu cần tránh	Kim loại mềm, nhôm, kẽm.
Các chất phân ly nguy hiểm	Không có.

## 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Mức độ độc hại	Các thành phần của sản phẩm này được phân loại là không độc hại. LD50 (oral,rat) 250 mg/kg. CALGONIT NN 465 1% (Calculate) LD50 (oral,rat) 25,000 mg/kg.
----------------	--

## 12. HỆ SINH THÁI

Độ bền	Sản phẩm dễ bị phân hủy.
Độ tích tụ	Sản phẩm này không được liệt vào hàng dễ tích tụ

## 13. PHÉ PHẨM

Tiêu hủy sản phẩm	Việc tiêu hủy tuân theo các quy định của cấp chính quyền địa phương
Tiêu hủy thùng chứa	Thùng chứa phải được làm sạch theo phương pháp phù hợp trước khi mang tái sử dụng hoặc vứt bỏ ở bãi phế phẩm hoặc tiêu hủy

## 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

UN No	Không phân loại
Hazardclass	8

## 15. CÁC QUY ĐỊNH

UK Legislation	SI1993/1746 :Hóa chất (Thông tin cảnh báo nguy hiểm và bao bì). Quy định năm 1993.SI, 1988/1657 : Được kiểm soát hóa chất độc hại của bộ y tế
Thông tin nhãn dán	C
Nhóm R	Kích ứng
Nhóm S	Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay với thật nhiều nước và tìm đến tư vấn y tế. Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay với thật nhiều nước, mang quần áo bảo hộ, găng tay và bảo vệ

## 16. THÔNG TIN KHÁC

Ngày cấp SDS	R00 ; Ngày 20 tháng 01 năm 2005
Ngày sửa SDS	R02 ; Ngày 11 tháng 11 năm 2009